



Trang chủ | Giới thiệu ▾ | Chương trình đào tạo ▾ | Kế hoạch đào tạo ▾ | Văn bản pháp quy ▾ | Sinh viên ▾ | Biểu mẫu

Văn bản pháp quy | Các loại văn bản | Trường Đại học Nha Trang

Văn bản của Trường Đại học Nha Trang

Văn bản quản lý

Quy định đào tạo hình thức vừa làm vừa học

Hướng dẫn thực hiện quy chế của bộ giáo dục & đào tạo về đào tạo đại học & cao đẳng theo hình thức vừa làm vừa học

Chi tiết

Quy định đào tạo hình thức vừa làm vừa học

29/05/2012 10:34:11 SA

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1308/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Quy định đào tạo hình thức vừa làm vừa học"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản, nay là Trường ĐH Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/02/2008 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 06/2008/QĐ-BGDĐT ngày 13/02/2008 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy;

Căn cứ quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2001 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp thứ hai dành cho những người đã tốt nghiệp một bằng đại học;

Xét đề nghị của Trường Khoa Đại học Tại chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng và Trung cấp hình thức vừa làm vừa học của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trường Khoa Đại học Tại chức, các Trường Khoa, Trường Phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, ĐHTC.

Vũ Văn Xứng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH**ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VÀ TRUNG CẤP****HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHNT ngày 20 tháng 10 năm 2011)***CHƯƠNG I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định đào tạo đại học, cao đẳng hình thức vừa làm vừa học, bao gồm: chương trình đào tạo; tuyển sinh; tổ chức đào tạo; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp; xử lý vi phạm.
2. Văn bản này áp dụng đối với các khóa đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp.
3. Văn bản này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia đào tạo trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp theo hình thức vừa làm vừa học tại Trường và tại các cơ sở liên kết.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học và trình độ đào tạo.
2. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình đào tạo hệ chính quy có xem xét đến đặc thù của hệ vừa làm vừa học là đào tạo nguồn nhân lực cho các Bộ, ngành, địa phương. Chương trình chi tiết do khoa chuyên ngành, bộ môn và khoa ĐH tại chức lập theo chương trình khung và những quy định hiện hành về nội dung, chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục Đào tạo và của Trường.
3. Đối với các chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, ngoài chương trình đào tạo đã được phê duyệt, sinh viên phải học bổ sung thêm các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở. Cụ thể liên thông từ cao đẳng lên đại học, các môn học bổ sung có thời lượng khoảng từ 10 – 15 ĐVHT; liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, các môn học bổ sung có thời lượng khoảng từ 10 - 15 ĐVHT; liên thông từ trung cấp lên đại học, các môn học bổ sung có thời lượng khoảng 20 ĐVHT, và phải hoàn thành các môn học bổ sung trước khi tham dự kỳ thi tuyển sinh.
4. Chương trình đào tạo chỉ được thực hiện khi có phê duyệt của Hiệu trưởng. Mọi thay đổi chương trình đào tạo để phù hợp với xu thế phát triển của ngành nghề và yêu cầu của xã hội do Khoa chuyên ngành, bộ môn và khoa đại học tại chức đề xuất và phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

Điều 3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo hình thức vừa làm vừa học được quy định cho từng chương trình đào tạo. Sinh viên có thể được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo tùy theo mỗi chương trình, cụ thể như sau:

1. Đối với chương trình đào tạo có thời gian đào tạo 4,0 năm, sinh viên được phép hoàn thành sớm chương trình đào tạo nhưng không ít hơn 3,5 năm và được phép kéo dài thời gian học tập không quá 4,0 năm so với khóa học.
2. Đối với chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học cấp bằng chính quy hoặc vừa làm vừa học có thời gian đào tạo 2,0 năm, sinh viên được phép kéo dài thời gian học tập không quá 2,0 năm so với khóa học.
3. Đối với chương trình đào tạo cao đẳng, liên thông từ trung cấp lên đại học cấp bằng chính quy hoặc vừa làm vừa học có thời gian đào tạo 3,0 năm, sinh viên được phép kéo dài thời gian học tập không quá 3,0 năm so với khóa học.

4. Các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo 2,0 năm, sinh viên được phép kéo dài thời gian không quá 2,0 năm so với khóa học.

CHƯƠNG II

CƠ SỞ ĐÀO TẠO, CƠ SỞ LIÊN KẾT, GIẢNG VIÊN

Điều 4: Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về quá trình đào tạo: xây dựng chỉ tiêu, tổ chức tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo, các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình, đánh giá công nhận kết quả và cấp bằng tốt nghiệp cho người học; thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước về thu học phí, lệ phí; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo của các lớp liên kết.

2. Về tổ chức tuyển sinh

a) Thông báo công khai và đầy đủ các thông tin về kỳ tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng về: số lượng, đối tượng, vùng tuyển, hình thức, lệ phí, địa điểm, lịch và những thông tin có liên quan như: ngành nghề, thời gian, hình thức, học phí, tiền mua tài liệu và các loại phí bảo hiểm;

b) Tổ chức tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hình thức vừa làm vừa học ban hành theo quyết định số 62/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tổ chức đào tạo gồm: xây dựng chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo; đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, giáo trình, tài liệu, các thiết bị phục vụ dạy học); lập kế hoạch thực hiện, phân công giảng dạy, đánh giá, công nhận kết quả học tập và rèn luyện; cấp bằng tốt nghiệp.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương đối với mọi hoạt động tuyển sinh, đào tạo, thu học phí, lệ phí, cấp bằng tốt nghiệp.

5. Quản lý sinh viên trong suốt quá trình đào tạo theo thông tư số 09/2010/TT-BGDĐT ngày 10/3/2010 về việc ban hành quy chế học viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đảm bảo quyền lợi học tập chính đáng cho sinh viên;

Điều 5: Trách nhiệm của cơ sở liên kết

1. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất: phòng học, bàn ghế, các phương tiện nghe nhìn, thiết bị âm thanh, ánh sáng, nơi ở... đảm bảo thuận tiện cho công tác học tập và sinh hoạt của giảng viên và sinh viên;

2. Theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, kế hoạch giảng dạy đối với các lớp đặt tại cơ sở mình và phản ánh với Trường những biểu hiện sai phạm để kịp thời chấn chỉnh;

3. Phối hợp với Trường để thực hiện chế độ chính sách đối với sinh viên; quản lý sinh viên trong suốt quá trình đào tạo theo quy chế hiện hành.

4. Đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh lớp học và môi trường xung quanh; có trách nhiệm liên hệ với cơ quan y tế khi có những sự cố xảy ra đe dọa đến sức khỏe của giảng viên và sinh viên.

5. Thực hiện đúng và đủ các cam kết trong Hợp đồng liên kết đào tạo và các thỏa thuận khác; phối hợp, theo dõi, giám sát lẫn nhau về các vấn đề thực hiện các quy chế tuyển sinh, đào tạo, thực hiện chương trình, quản lý quá trình giảng dạy, đảm bảo chất lượng đào tạo, đảm bảo quyền lợi cho giảng viên, sinh viên và việc thực hiện hợp đồng liên kết trong suốt quá trình thực hiện khoá đào tạo.

Điều 6: Giảng viên

Giảng viên là người làm nhiệm vụ giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo hoặc hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập.

1. Tiêu chuẩn cán bộ giảng dạy:

a) Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;

b) Đạt chuẩn chuyên môn ngạch giảng viên theo quy định của Luật công chức, viên chức;

c) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp để giảng dạy;

d) Lý lịch bản thân rõ ràng.

2. Nhiệm vụ của giảng viên:

a) Thực hiện chế độ làm việc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Giảng dạy các môn học, hướng dẫn thực hành, thực tập;

c) Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn giúp đỡ sinh viên trong học tập và nghiên cứu;

d) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và nội quy của cơ sở đào tạo. Trung thực; khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trong ứng xử với sinh viên;

e) thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền của giảng viên:

a) Được giảng dạy các môn học phù hợp với ngành, chuyên ngành được đào tạo;

b) Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Giảng viên mời giảng tại các cơ sở liên kết phải đáp ứng đầy đủ các quy định trên.

Để được mời giảng chính thức, giảng viên phải có hồ sơ giảng viên theo mẫu quy định gồm: Sơ yếu lý lịch, bản sao các loại văn bằng, chứng chỉ...

Danh sách và hồ sơ của giảng viên mời giảng tại cơ sở liên kết gửi cho Khoa Đại học Tại chức để trình Hiệu trưởng xét duyệt.

CHƯƠNG III

HỌC SINH, SINH VIÊN

Điều 7. Quyền hạn học sinh, sinh viên

1. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường.

2. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng; được phổ biến nội quy, quy chế, chương trình, kế hoạch học tập, thực tập, thi tốt nghiệp và các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến sinh viên, học sinh.

3. Được tạo điều kiện trong học tập và rèn luyện:

a) Sử dụng thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành các trang thiết bị và phương tiện phục vụ học tập, thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao do nhà trường tổ chức.

b) Tham gia nghiên cứu khoa học, thi Olympic môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ.

c) Tham gia các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài nhà trường theo quy định của pháp luật; các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường.

d) Đăng ký học kéo dài hoặc rút ngắn thời gian thực hiện chương trình hoặc tích lũy kiến thức, tạm ngừng học, nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập vì lý do cá nhân, chuyên ngành học, chuyển trường theo quy định của quy chế về đào tạo hình thức vừa làm vừa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng trình độ đào tạo.

4. Trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị các giải pháp góp phần xây dựng nhà trường; đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên, học sinh.

5. Được nhà trường cấp bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo; cấp bằng điểm học tập, các giấy tờ có liên quan khác theo quy định.

Điều 8. Nghĩa vụ của sinh viên, học sinh

1. Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy chế, nội quy, điều lệ của Trường; sử dụng thể sinh viên đúng quy định.

2. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn minh.

3. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường và của cơ sở liên kết; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường của cơ sở liên kết.

4. Thực hiện nhiệm vụ học tập, tu dưỡng theo chương trình, kế hoạch, đào tạo của nhà trường; bảo đảm thời gian lên lớp, chủ động tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và tự rèn luyện đạo đức, lối sống.

5. Đóng đủ học phí đúng thời hạn quy định.

6. Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên, cán bộ, giáo viên; kịp thời báo cáo với bộ môn, khoa, phòng chức năng, Hiệu trưởng nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế của sinh viên, cán bộ, giáo viên trong Trường.

7. Tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 9. Các điều học sinh, sinh viên không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường và học viên khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử như: học, kiểm tra, thi hộ hoặc nhờ người khác học, kiểm tra, thi hộ; quay cốp, mang tài liệu vào phòng thi trái quy định; sao chép tiểu luận, đồ án; tổ chức học, kiểm tra, thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác.

3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp.

4. Gây rối an ninh, trật tự trong trường hoặc nơi công cộng.

5. Đánh bạc dưới mọi hình thức.

6. Các hành vi vi phạm pháp luật khác.

CHƯƠNG IV
CÔNG TÁC TUYỂN SINH

Điều 10. Các chương trình tuyển sinh hệ vừa làm vừa học

1. Tuyển sinh đào tạo hệ vừa làm vừa học (4,0 năm)

a) Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề. Thí sinh tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa trung học phổ thông đạt yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT.

b) Môn thi tuyển: thi tuyển theo khối thi thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hệ vừa làm vừa học của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

c) Miễn thi tuyển: Những thí sinh đã tốt nghiệp đại học của các trường đại học công lập và ngoài công lập. Thí sinh được miễn thi phải nộp lệ phí xét tuyển, bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học kèm theo.

d) Điều kiện trúng tuyển: thí sinh phải dự thi đủ 03 môn, không có môn bị điểm liệt (điểm 0), tổng số điểm đạt được của 03 môn thi phải đủ điểm theo mức điểm chuẩn của Hội đồng tuyển sinh quy định cho từng khóa cụ thể ở từng địa phương mở lớp.

f) Diện ưu tiên trong tuyển sinh:

- Diện ưu tiên 1: Được cộng 02 điểm dành cho các đối tượng là thương binh đã xếp hạng, con liệt sỹ, bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên, dân tộc ít người, những người hiện đang công tác ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo (trường hợp tuyển sinh ở những tỉnh miền núi, những tỉnh thuộc khu vực I thì không áp dụng ưu tiên công tác miền núi, vùng sâu, vùng xa).

- Diện ưu tiên 2: Được cộng 01 điểm bao gồm: Bộ đội, thanh niên xung phong, công an đang làm nhiệm vụ hoặc đã xuất ngũ hiện đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế hoặc đang chờ bố trí công việc. Một người thuộc nhiều diện ưu tiên chỉ được ưu tiên ở diện cao nhất.

- Con thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng, người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được tỉnh, thành phố công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua.

2. Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng hoặc đại học

a) Đối tượng tuyển sinh: Những người có bằng tốt nghiệp trung cấp có nhu cầu học tập lên trình độ cao đẳng hoặc đại học phải có ít nhất 3 năm làm việc gắn với chuyên môn được đào tạo.

b) Môn thi tuyển: thí sinh phải tham dự thi tuyển 3 môn gồm hai môn cơ bản và một môn cơ sở ngành.

c) Điều kiện trúng tuyển: Thí sinh phải dự thi đủ 3 môn, không có môn bị điểm liệt (điểm 0), tổng số điểm của 03 môn thi phải đủ điểm theo mức điểm chuẩn của Hội đồng tuyển sinh quy định cho từng khóa cụ thể tại Trường và ở từng địa phương có mở lớp.

3. Tuyển sinh đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học

a) Đối tượng tuyển sinh: Những người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng có nhu cầu học tập lên trình độ đại học, thí sinh tốt nghiệp loại khá được thi ngay loại trung bình phải có ít nhất 1 năm làm việc gắn với chuyên môn được đào tạo.

b) Môn thi tuyển: 02 môn gồm môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

c) Điều kiện trúng tuyển: Thí sinh phải dự thi đủ 02 môn, không có môn bị điểm liệt (điểm 0), tổng số điểm đạt được của 02 môn thi phải đủ điểm theo mức điểm chuẩn của Hội đồng tuyển sinh quy định cho từng khóa cụ thể tại Trường và ở từng địa phương có mở lớp.

4. Tuyển sinh đào tạo văn bằng hai

a) Đối tượng tuyển sinh: Những người đã có bằng tốt nghiệp một trường đại học thuộc các hệ đào tạo đại học chính quy, vừa làm vừa học.

b) Thời gian đào tạo: 02 năm.

c) Điều kiện trúng tuyển: Trường sẽ căn cứ chỉ tiêu đào tạo văn bằng 2 hàng năm để xét tuyển. Những ngành có số lượng sinh viên đăng ký xét tuyển vượt quá chỉ tiêu, Trường sẽ tổ chức thi kiểm tra đầu vào để xét tuyển đủ chỉ tiêu.

5. Tuyển sinh đào tạo trung cấp chuyên nghiệp

a) Đối tượng tuyển sinh: Những người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên.

b) Thời gian đào tạo: 02 năm.

c) Điều kiện trúng tuyển: Trường sẽ căn cứ chỉ tiêu đào tạo Bộ Giáo dục & Đào tạo giao hàng năm để xét tuyển.

Điều 11. Đăng ký dự thi

1. Hồ sơ đăng ký dự thi do Trường quy định và công bố trong thông báo tuyển sinh của Trường.

2. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi cho Trường và cơ sở liên kết chậm nhất là 30 ngày trước ngày thi môn đầu tiên.

3. Trường lập danh sách thí sinh dự thi, danh sách dán ảnh, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh chậm nhất 15 ngày trước ngày thi môn đầu tiên.

Điều 12. Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần Hội đồng gồm: chủ tịch, các phó chủ tịch, ủy viên thường trực và các ủy viên.

- a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Hiệu trưởng;
- c) Ủy viên thường trực: Trường khoa Đại học Tại chức;
- d) Các ủy viên: một số trưởng hoặc phó trưởng phòng, khoa, viện, bộ môn liên quan trực tiếp đến kỳ thi.

2. Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, ủy viên thường trực và các ủy viên có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ vừa làm vừa học.

3. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và bộ máy giúp việc cho Hội đồng.

Điều 13. Bộ máy giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh

1. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Quyết định thành lập bộ máy giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh của Trường bao gồm: Ban thư ký, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi, ban phúc khảo, ban cơ sở vật chất, sau đây gọi tắt là các ban của Hội đồng.

2. Thành phần các ban của Hội đồng được quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ vừa làm vừa học.

3. Các ban của Hội đồng, các trưởng ban và các ủy viên có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ vừa làm vừa học hiện hành.

Điều 14. Thời gian thi và phòng thi

1. Thời gian làm bài thi môn cơ bản và môn cơ sở theo hình thức tự luận là 180 phút, theo hình thức trắc nghiệm là 90 phút.

2. Thời gian thi tuyển sinh hệ vừa làm vừa học được tổ chức liên tục trong các ngày. Lịch thi cụ thể từng môn do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

3. Trước kỳ thi chậm nhất 7 ngày, Hội đồng tuyển sinh phải chuẩn bị xong địa điểm thi với đủ số phòng thi cần thiết, các phòng thi phải tập trung gần nhau, an toàn, yên tĩnh. Mỗi phòng thi bố trí tối đa 30 thí sinh. Phòng thi phải đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, đủ rộng khoảng cách giữa 2 thí sinh liền kề cách nhau ít nhất 1,2 m.

Điều 15. Đề thi tuyển sinh

1. Yêu cầu và nội dung đề thi:

a) Đề thi tuyển sinh hệ vừa làm vừa học phải đạt được yêu cầu kiểm tra những kiến thức cơ bản, khả năng vận dụng và kỹ năng thực hành của thí sinh trong phạm vi chương trình đào tạo.

b) Nội dung đề thi phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ mang tính tổng hợp, bám sát và bao quát toàn bộ chương trình môn thi đã được công bố. Lời văn, câu chữ, số liệu, công thức, phương trình phải chính xác, rõ ràng;

c) Đề thi phải đảm bảo yêu cầu đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh, phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;

2. Người ra đề thi: Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chọn người ra đề thi có chuyên môn đúng môn thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

3. Việc ra đề thi có thể sử dụng ngân hàng đề thi hoặc cử người ra đề thi độc lập.

a) Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có ít nhất 100 câu hỏi để xây dựng thành ít nhất 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi hoặc có ít nhất 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy ít nhất 3 đề thi;

b) Trong trường hợp ra từng đề độc lập, mỗi môn thi phải có ít nhất 3 đề do 3 người khác nhau thực hiện. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người ra đề độc lập, tiếp nhận đề thi và bí mật tên người ra đề thi. Người ra đề thi không được phép tiết lộ về việc đã được giao nhiệm vụ làm đề thi. Người ra đề không được là người đã hoặc đang phụ đạo hoặc hướng dẫn ôn tập cho thí sinh. Khi nhận đề thi từ người ra đề thi độc lập, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ký giáp lai vào phong bì đề thi, đóng dấu niêm phong trước sự chứng kiến của người nộp đề thi và cất giữ theo quy trình bảo mật.

4. Nơi làm đề thi phải biệt lập, an toàn, bảo mật, kín đáo. Người làm việc trong khu vực phải có phù hiệu và chỉ hoạt động trong phạm vi được phép.

5. Quy trình ra đề thi, bảo mật đề thi và xử lý các sự cố bất thường của đề thi thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ vừa làm vừa học hiện hành.

Điều 16. Tổ chức thi và chấm thi tuyển sinh

Việc tổ chức thi tuyển sinh và chấm thi tuyển sinh được thực hiện theo các quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ vừa làm vừa học hiện hành.

Điều 17. Thang điểm chấm thi và xử lý kết quả chấm thi

1. Thang điểm chấm thi:

a) Thang điểm chấm thi theo hình thức tự luận là thang điểm 10. Các ý nhỏ được chấm điểm lẻ đến 0,25 điểm;

b) Cán bộ chấm bài thi theo thang điểm và đáp án chính thức đã được Trường ban Chấm thi phê duyệt.

2. Xử lý kết quả chấm thi: Ban Thư ký so sánh kết quả 2 lần chấm thi và xử lý kết quả chấm thi như sau:

a) Nếu kết quả 2 lần chấm thi giống nhau thì giao túi bài thi cho 2 cán bộ chấm thi ghi điểm vào bài thi rồi cùng ký tên xác nhận vào bài thi; trường hợp điểm toàn bài giống nhau nhưng điểm thành phần lệch nhau thì 2 cán bộ chấm thi cùng kiểm tra và thống nhất lại điểm theo đáp án quy định;

b) Nếu kết quả 2 lần chấm lệch nhau 0,5 điểm (theo thang điểm 10) thì rút bài thi đó cùng phiếu chấm lần thứ nhất rồi giao cho Trường môn chấm thi quyết định điểm cuối cùng. Trường môn chấm thi ghi điểm vào bài thi và ký tên xác nhận vào bài thi;

c) Nếu kết quả 2 lần chấm lệch nhau từ 1 điểm trở lên thì rút bài thi đó cùng phiếu chấm lần thứ nhất rồi giao cho Trường môn chấm thi tổ chức chấm lần thứ ba trực tiếp vào bài làm của thí sinh bằng mực màu khác. Trong trường hợp này, nếu kết quả của 2 trong số 3 lần chấm giống nhau thì lấy điểm giống nhau làm điểm chính thức. Nếu kết quả của 2 trong 3 lần chấm vẫn lệch nhau thì Trường môn chấm thi lấy điểm trung bình cộng của 3 lần chấm làm điểm cuối cùng. Trường môn chấm thi ghi điểm vào bài thi và ký tên xác nhận;

Điều 18. Tổ chức phúc khảo và giải quyết khiếu nại về điểm thi

1. Việc tổ chức phúc khảo và giải quyết khiếu nại điểm bài thi được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ vừa làm vừa học hiện hành.

2. Trong trường hợp cần thành lập hội đồng kiểm tra kết quả phúc khảo. Hội đồng kiểm tra kết quả phúc khảo có thẩm quyền quyết định cuối cùng về điểm chính thức của bài thi.

Điều 19. Công nhận trúng tuyển

1. Sau khi có kết quả thi tuyển, thường trực hội đồng tuyển sinh báo cáo Hiệu trưởng kết quả thi tuyển. Hiệu trưởng xác định điểm trúng tuyển, duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, ký Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Căn cứ Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển, Khoa Đại học Tại chức gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 20. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Đầu khoá học, Trường sẽ thông báo công khai về nội dung và kế hoạch học tập toàn khóa của từng chương trình; quy chế đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá, thi, kiểm tra.

2. Đầu mỗi năm học, Trường sẽ thông báo lịch trình học trong từng học kỳ của từng chương trình đào tạo, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, đề cương chi tiết học phần, điều kiện đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi; hình thức kiểm tra và thi các học phần; giáo trình; tài liệu có liên quan.

Điều 21. Đánh giá học phần

1. Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm: điểm thi giữa học phần, điểm đánh giá phần thực hành, điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50% của điểm học phần.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần, với trọng số tương ứng của từng điểm bộ phận.

2. Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được đánh giá theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến phần nguyên thực hiện theo nguyên tắc: nếu có điểm lẻ dưới 0,5 thì quy tròn thành 0; có điểm lẻ từ 0,5 đến dưới 1,0 thì quy tròn thành 1,0.

3. Điểm học phần được phân loại như sau:

Loại đạt: điểm học phần từ 5 trở lên.

Loại không đạt: điểm học phần từ 4 trở xuống.

4. Hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và được ghi trong đề cương chi tiết của môn học.

Điều 22. Đề thi kết thúc học phần

Đề thi kết thúc học phần được sử dụng trong ngân hàng đề thi, khoa hoặc bộ môn, cán bộ giảng dạy nộp cho cơ sở liên kết 06 đề thi kết thúc môn học lấy trong ngân hàng đề thi chung.

Điều 23. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần phải đạt các điều kiện sau:

1. Tham dự ít nhất 75% số tiết lên lớp thực tế quy định cho từng học phần.
2. Làm đầy đủ các bài thực hành, bài tập, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thiết kế.

Điều 24. Hình thức thi, chấm thi kết thúc học phần

1. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là: thi viết, thi vấn đáp hoặc thực hành.
2. Chấm thi viết, thi vấn đáp hoặc thực hành phải do hai giảng viên trực tiếp thực hiện.
3. Điểm học phần của sinh viên được ghi vào bảng điểm. Bảng điểm thi kết thúc học phần phải có đủ chữ ký của hai cán bộ chấm thi, trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa ký duyệt, được làm thành ba bản lưu giữ tại văn phòng khoa, bộ môn và thông báo cho sinh viên.

Điều 25. Dự thi kết thúc học phần

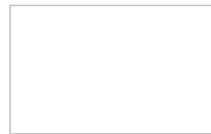
1. Sinh viên có đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần phải dự thi theo đúng lịch do nhà trường quy định.
2. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng bị nhận điểm 0 ở lần thi thứ nhất.
3. Sinh viên ốm đau, đi công tác đột xuất hoặc vì những lý do đặc biệt khác được đề nghị hoãn thi. Nhà trường bố trí cho những sinh viên này dự thi vào lần thi tiếp theo. Điểm thi được tính là lần thi thứ nhất.
4. Sinh viên phải thực hiện các thủ tục hoãn thi theo hướng dẫn của khoa Đại học Tại chức và của cơ sở liên kết.

Điều 26. Thi lại, thi trả nợ và bảo lưu kết quả học phần

1. Sinh viên thi không đạt hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng ở lần thi thứ nhất, được dự thi lại tối đa là hai lần.
2. Sinh viên vắng mặt trên lớp quá mức quy định cho một học phần phải đăng ký học lại học phần đó; sinh viên không làm đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, bài tập, tiểu luận, bài tập lớn, thiết kế đồ án, nếu làm bổ sung đầy đủ, sẽ được dự thi ở kỳ thi lại.
3. Sinh viên thi lại hai lần vẫn không đạt, nếu được xét học tiếp lên năm học sau phải đăng ký học để thi trả nợ học phần, số lần được thi trả nợ tối đa là hai lần.
4. Sinh viên phải thi lại các môn học trong học kỳ sẽ được thực hiện vào đầu kỳ của kỳ học tiếp theo.

Điều 27. Cách tính điểm trung bình chung học tập và xếp loại kết quả học tập

1. Điểm trung bình chung học tập của mỗi năm học, mỗi khoá học và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khoá học được tính theo công thức sau và được tính đến hai chữ số thập phân:



Trong đó:

A là điểm trung bình chung học tập năm học, khoá học hoặc điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khoá học.

a_i là điểm cao nhất trong các lần thi của học phần thứ i

n_i là số đơn vị học trình của học phần thứ i

N là tổng số học phần.

2. Điểm trung bình chung học tập là căn cứ để xét sinh viên bị buộc thôi học, tạm ngừng học, được học tiếp và xét tốt nghiệp.

3. Xếp loại kết quả học tập:

a) Loại đạt

Từ 9 đến 10: Xuất sắc

Từ 8 đến cận 9: Giỏi

Từ 7 đến cận 8: Khá

Từ 6 đến cận 7: Trung bình khá

Từ 5 đến cận 6: Trung bình

b) Loại không đạt:

Từ 4 đến cận 5: Yếu ; Dưới 4: Kém

Điều 28. Điều kiện để sinh viên được học tiếp, buộc thôi học, tạm ngừng học

1. Trước khi vào năm học mới, nhà trường căn cứ vào số học phần đã học, điểm trung bình chung học tập của các năm học đã qua và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khoá học để xét việc học tiếp, tạm ngừng học, nghỉ học tạm thời hoặc bị buộc thôi học của sinh viên.

2. Sinh viên được học tiếp lên năm học sau nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học từ 5,00 trở lên;
- b) Các học phần bị điểm dưới 5 tính từ đầu khoá học không quá 25 đơn vị học trình.

3. Sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học dưới 3,50;
- b) Có điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khoá học dưới 4,00 sau 2 năm học, dưới 4,50 sau 3 năm học và dưới 4,80 sau từ 4 năm học trở lên;

c) Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định.

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định.

4. Sinh viên làm đơn xin nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm đau hoặc tai nạn có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Bị điều động công tác;

d) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất được một học kỳ và phải đạt điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khoá học không dưới 5,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian tối đa được phép.

5. Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải nộp đơn xin học lại ít nhất một tuần trước khi bắt đầu năm học mới hay học kỳ mới.

Điều 29. Miễn thi môn học

1. Sinh viên đã tốt nghiệp các trường đại học, có môn học trùng với chương trình đào tạo, có bằng điểm, kèm bằng tốt nghiệp đại học sẽ được khoa Đại học Tại chức xem xét cho miễn học, miễn thi các môn đã đạt yêu cầu từ 6 điểm trở lên trong thời gian học là 5 năm tính từ ngày ghi trên bằng tốt nghiệp đại học.

2. Sinh viên hệ đại học văn bằng 2 không được miễn học, miễn thi các môn trong chương trình đào tạo, bởi vì đây là chương trình đào tạo được cập nhật các kiến thức mới (trừ những sinh viên đã tốt nghiệp đại học các hệ của Trường Đại học Nha Trang trong thời gian 3 năm kể từ ngày ghi trên bằng tốt nghiệp).

3. Môn được miễn học, miễn thi, được lấy kết quả chuyển đến để đưa vào điểm tổng kết tính điểm bình quân. Sinh viên phải làm đơn đề nghị miễn thi môn học theo mẫu, cán bộ quản lý khóa học tiếp nhận, kiểm tra. Bộ phận quản lý điểm gốc căn cứ phê duyệt của Trường khoa nhập điểm cho sinh viên khi làm thủ tục.

4. Sinh viên nghỉ học có thời hạn, được bảo lưu điểm của những môn học đã đạt yêu cầu từ 6 điểm trở lên. Các môn chưa đạt yêu cầu phải học và thi với khóa chuyển xuống.

Điều 30. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập nếu bản thân chuyển địa điểm làm việc hoặc có hoàn cảnh khó khăn cần thiết phải chuyển trường để có điều kiện học tập;

b) Trường xin chuyển đến và trường xin chuyển đi trong cùng một nhóm ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Có quyết định chuyển đi và chuyển đến.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- a) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá;
- b) Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;
- c) Sinh viên ở ngoài vùng tuyển quy định của trường.

3. Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ theo quy định của nhà trường.

CHƯƠNG VI

THI TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 31. Hình thức và nội dung thi tốt nghiệp

1. Sinh viên thi tốt nghiệp 03 môn: Môn cơ sở, chuyên ngành và môn lý luận chính trị Mác – Lê nin.

2. Nội dung thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm hai phần: phần kiến thức cơ sở ngành và phần kiến thức chuyên môn; được tổng hợp từ một số học phần bắt buộc thuộc chương trình đào tạo với tổng khối lượng kiến thức tương đương khoảng 15 – 20 đơn vị học trình.

Điều 32. Điều kiện được dự thi tốt nghiệp

1. Tính đến thời điểm thi tốt nghiệp, không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Học đủ các học phần quy định và không có học phần bị điểm dưới 5.

Điều 33. Hội đồng thi và xét tốt nghiệp trường

1. Thành phần hội đồng thi và xét tốt nghiệp trường bao gồm:

- a) Chủ tịch là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng được hiệu trưởng uỷ quyền;
- b) Phó chủ tịch là phó hiệu trưởng;
- c) Thường trực hội đồng là trưởng khoa Đại học Tại chức;
- d) Các uỷ viên là các Trưởng phòng, Trưởng khoa có liên quan.

2. Nhiệm vụ Hội đồng tốt nghiệp:

- a) Duyệt danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp;
- b) Duyệt danh sách sinh viên thi tốt nghiệp;
- c) Quyết định hình thức thi tốt nghiệp;
- d) Xét công nhận tốt nghiệp.

3. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng thi và xét tốt nghiệp trường.

Điều 34. Chấm thi tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập hội đồng chấm thi các môn thi tốt nghiệp. Số thành viên của mỗi hội đồng là 3 trong đó có chủ tịch và thư ký. Thành viên của hội đồng là giảng viên của trường hoặc có thể mời thêm những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài trường.

2. Thi tốt nghiệp theo hình thức thi viết, thời gian thi viết tối đa là 180 phút cho mỗi môn thi. Việc ra đề thi, tổ chức thi, coi thi, chấm thi theo hình thức thi viết do Hiệu trưởng quy định thực hiện theo Quy định đối với hệ chính quy.

3. Kết quả chấm thi tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi thi.

4. Điểm thi tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung học tập của toàn khoá học để xếp loại tốt nghiệp.

5. Sinh viên thi tốt nghiệp có điểm dưới 5, được nhà trường tổ chức cho thi lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi trường công bố kết quả. Nội dung thi, hình thức thi, ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên này được thực hiện như ở kỳ thi chính.

Điều 35. Điều kiện xét tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Điểm thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, và điểm thi môn Lý luận chính trị Mác - Lênin đạt từ 5 trở lên.
- c) Hệ vừa làm vừa học sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ Anh văn tương đương trình độ A, thời hạn có giá trị của chứng chỉ ngoại ngữ được xác định kể từ năm khai giảng khóa học đó trở về sau. Việc học ngoại ngữ do sinh viên tự học và nhận chứng chỉ ngoại ngữ ở những cơ sở đào tạo được phép của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- d) Đối với hệ cấp bằng chính quy sinh viên phải có chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình chuẩn Toeic của trường từ 300 điểm trở lên đối với hệ đại học, 250 điểm trở lên đối với hệ cao đẳng.

2. Căn cứ đề nghị của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp trường. Hiệu trưởng ký duyệt danh công nhân tốt nghiệp cho những

sinh viên đủ các điều kiện theo quy định.

Điều 36. Cấp bằng tốt nghiệp và bằng điểm

1. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành về quản lý văn bằng, chứng chỉ. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung theo quy định.

2. Sinh viên học theo hình thức học ban ngày, tập trung liên tục tại trường, thực hiện Quy chế về tuyển sinh, Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy, sau khi kết thúc khóa học, nếu đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp của hệ chính quy, sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng chính quy.

3. Sinh viên học theo hình thức vừa làm vừa học, thực hiện Quy chế tuyển sinh, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học, sau khi kết thúc khóa học, nếu đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp của hệ vừa làm vừa học, sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng hình thức vừa làm vừa học.

4. Sinh viên được cấp 01 bằng chính, 03 bản sao bằng tốt nghiệp và 03 bằng điểm tốt nghiệp. Trong quá trình học tập, sinh viên có nhu cầu cấp bằng điểm các môn đã học, sinh viên liên hệ cán bộ quản lý tại các cơ sở liên kết để được giải quyết.

Điều 37. Hồ sơ sinh viên

1. Hồ sơ trúng tuyển của sinh viên lập theo mẫu của Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các lớp mở tại các địa phương, lập hai bộ hồ sơ giống nhau, một bộ chuyển khoa Đại học Tại chức quản lý, một bộ do cơ sở liên kết quản lý.

2. Hồ sơ trúng tuyển của sinh viên gồm: Sơ yếu lý lịch, bản sao bằng tốt nghiệp các loại, Bằng điểm, bản sao giấy khai sinh, 02 ảnh (2x3), chứng minh thư nhân dân. Hồ sơ sẽ được thanh lý khi sinh viên tốt nghiệp, ra trường.

3. Thẻ sinh viên: Mỗi sinh viên được Trường cấp một thẻ theo mã số qui định cho từng khóa, từng lớp trong suốt quá trình học tập. Sinh viên có nhiệm vụ gìn giữ thẻ của mình, không được để hư hỏng hoặc mất. Cán bộ quản lý khóa học theo dõi tình hình sử dụng thẻ đã cấp cho sinh viên. Trường hợp mất thẻ, sinh viên phải làm đơn xin cấp lại, thẻ sinh viên được cấp lại phù hợp với thẻ đã cấp lần đầu. Thẻ sinh viên do Trường Khoa Đại học Tại chức thừa lệnh Hiệu trưởng ký và đóng dấu của Trường.

Điều 38. Tài liệu học tập

1. Nhà Trường, cơ sở liên kết đào tạo, giảng viên trực tiếp giảng dạy có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và kịp thời tài liệu học tập cho sinh viên trong suốt quá trình học tập.

2. Hiện nay Thư viện Trường Đại học Nha Trang đã số hóa hầu hết các bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo... của các môn học thuộc các ngành học mà Trường đang đào tạo.

3. Để khai thác và sử dụng có hiệu quả các loại tài liệu học tập có trong thư viện của nhà trường, sinh viên cần đăng ký để được cấp quyền truy cập tài liệu của thư viện. Khoa Đại học Tại chức và cơ sở liên kết phổ biến và hướng dẫn cho sinh viên đăng ký và được cấp quyền truy cập tài liệu.

CHƯƠNG VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 39. Khen thưởng

Khen thưởng định kỳ đối với cá nhân và tập thể được tiến hành vào cuối năm mỗi năm học. Danh hiệu thi đua, nội dung, hình thức thi đua khen thưởng, mức khen thưởng được thực hiện theo Quy định của Hiệu trưởng.

Điều 40. Kỷ luật

Những học sinh, sinh viên có hành vi vi phạm tùy tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm phải chịu hình thức kỷ luật nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật thực hiện theo Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

CHƯƠNG VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Khoa Đại học Tại chức phối hợp với các cơ sở liên kết chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, có nhiệm vụ thực hiện Quy định này.

2. Trong trường hợp Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo có sự thay đổi, khoa Đại học Tại chức có trách nhiệm trình Hiệu trưởng những điểm bổ sung, điều chỉnh trong Quy định này để Hiệu trưởng xem xét quyết định.

3. Các đơn vị có liên quan: Các Khoa chuyên ngành, Bộ môn, phòng Tổ chức Hành chính, phòng Công tác sinh viên, phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí có trách nhiệm phối hợp với khoa Đại học Tại chức và các cơ sở liên kết để thực hiện đúng các quy định trong văn bản này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì chưa rõ, đề nghị phản ánh về khoa Đại học Tại chức để tổng hợp trình Hiệu trưởng chỉ đạo giải quyết.

© Trường Đại Học Nha Trang

Địa chỉ: số 02 Nguyễn Đình Chiểu - Nha Trang - Khánh Hòa. ĐT: 0583 831 149

Website được thể hiện tốt nhất ở độ phân giải 1024 x 768 với trình duyệt FireFox, Google Chrome, Internet Explorer 7.0 trở lên.